

THÔNG BÁO
MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên trân trọng kính mời quý Cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026, như sau:

1. Thời gian: 8h00 ngày 15/4/2021

2. Địa điểm: Số 18 Bảo Quốc, phường Phường Đúc, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Điều kiện tham dự họp

- Tất cả các cổ đông hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty có tên trong danh sách được Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 18/3/2021;

- Cổ đông không trực tiếp tham dự phiên họp ĐHCĐ có thể ủy quyền cho người khác tham dự họp. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (theo mẫu gửi kèm).

4. Nội dung họp ĐHCĐ:

- Thông qua Báo cáo của Giám đốc công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021 - 2026;

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 phương hướng hoạt động năm 2021; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026;

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 phương hướng hoạt động năm 2021; kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026;

- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2020;

- Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

- Thông qua Hủy tư cách công ty đại chúng Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên;

- Thông qua ký kết Hợp đồng giữa Công ty với Công ty mẹ là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;



- Thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021;
- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2016-2020 do kết thúc nhiệm kỳ;
- Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Thông qua một số nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.....

5. Đăng ký tham dự phiên họp.

- Quý cổ đông gửi đăng ký tham dự hoặc giấy ủy quyền (theo mẫu) về Công ty (qua Phòng TC-HC) trước 16h ngày 12/4/2021.

- Khi đến tham dự họp ĐHĐCĐ, Cổ đông vui lòng đến trước thời gian khai mạc ít nhất 10 phút và xuất trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông các giấy tờ sau: Thông báo mời họp, giấy tờ hợp pháp của cá nhân (bản chính) và giấy ủy quyền họp lệ tham dự họp (nếu là người được ủy quyền) để kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ/Phiếu biểu quyết.

6. Tài liệu phiên họp ĐHĐCĐ

Toàn bộ tài liệu phiên họp được đăng trên trang điện tử của Công ty: <http://dsbinhtrithien.vn> tại mục Quan hệ cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- UBCK Nhà Nước; Sở GDCK Hà Nội;
- Trang Thông tin điện tử công ty;
- Lưu VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Dũng

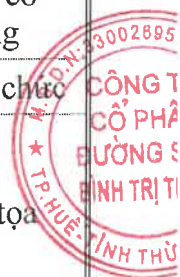


Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026

1. Thời gian: 08h00' ngày 15/4/2021
2. Địa điểm: Trụ sở Công ty - Số 18 Bảo Quốc, TP Huế, Thừa Thiên Huế.

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
08h00-08h15	Công tác chuẩn bị:	
	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban Tổ chức
	Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu	Ban KT tư cách cổ đông
08h15-08h30	Khai mạc:	
	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khai mạc	Ban Tổ chức
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Hướng dẫn thể lệ biểu quyết	Ban KT tư cách cổ đông
	Bầu Ban Chủ tọa.	Ban tổ chức
	- Cử Ban Thư ký - Bầu Ban kiểm phiếu	Chủ tọa
	Thông qua Chương trình, Quy chế Đại hội, Thể lệ biểu quyết,	
	Nội dung họp:	
08h30-08h45	Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021 - 2026.	Giám đốc
08h45-09h00	Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026	HĐQT
09h00-09h10	Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 phương hướng hoạt động năm 2021; kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026	BKS
09h10-09h20	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2020.	KTT
09h20-09h25	Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ về miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên do kết thúc nhiệm	Chủ tọa



Thời gian	Nội dung	Thực hiện
	kỳ 2016 – 2020 và bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026.	
09h25-09h35	Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị kiểm soát viên: - Quy chế miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên; - Thông qua danh sách thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ. - Hướng dẫn và tiến bỏ phiếu miễn nhiệm HĐQT, KSV. - Bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên HĐQT, KSV.	Ban Bầu cử - kiểm phiếu
09h35-09h40	Công bố kết quả kiểm phiếu miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên.	Ban Bầu cử - kiểm phiếu
09h40-09h50	Phát biểu của Lãnh đạo Công ty Mẹ - TCT ĐSVN	TCT
09h50-10h10	Bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021-2026: - Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên - Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn. - Hướng dẫn và tiến hành bầu cử TV. HĐQT; TV. BSV. - Bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị kiểm soát viên	Ban Bầu cử - kiểm phiếu
10h10-10h20	Trình bày Tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCĐ về các chỉ tiêu chủ yếu; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; Huy tư cách công ty đại chúng Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua việc ký kết các Hợp đồng giữa Công ty với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	Chủ tọa
10h20-10h30	Thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình	ĐHĐCĐ
10h30-10h35	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021-2026.	Ban Bầu cử - kiểm phiếu
10h35-10h50	Đại hội giải lao: - HĐQT, KSV họp phiên đầu tiên bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát.	- HĐQT, BKS
10h50-10h55	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ra mắt	HĐQT, KSV
10h55-11h10	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ban Thư ký
11h10	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Võ Dũng

Số: 258/TB-BTT

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc Ứng cử/ đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên, nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ dự thảo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên, Công ty sẽ tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 – 2026. Vì vậy, Công ty xin trân trọng thông báo về việc ứng cử/ đề cử thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), thành viên Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.

2. Điều kiện ứng cử/đề cử thành viên HDQT và tiêu chuẩn thành viên HDQT

2.1. Điều kiện ứng cử/đề cử thành viên HDQT:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 15% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2.2. Thành viên HDQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;



- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Điều kiện ứng cử/đề cử thành viên Ban Kiểm soát và tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

3.1. Điều kiện ứng cử/đề cử thành viên Ban Kiểm soát:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 15% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3.2. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát

1. Đơn ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát (theo mẫu);

2. Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);

3. Bản sao CMND/ Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ có công chứng;

4. Các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện nêu trên có yêu cầu ứng cử, đề cử các ứng viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên nhiệm kỳ 2021 – 2026 vui lòng gửi hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát đến Công ty.

Thời điểm chốt danh sách hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 – 2026: chậm nhất 16h00 ngày 12/4/2021 tại:

Phòng TC-HC, Công ty cổ phần sắt Bình Trị Thiên

Phòng TC-HC, Công ty cổ phần sắt Bình Trị Thiên

Địa chỉ: Số 18 Bảo Quốc, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tel: 0234. 3836 215 - Fax: 0234. 3833 063

Hồ sơ ghi rõ: “Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát”.

Lưu ý: Người ứng cử/được đề cử vào HĐQT, Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác về nội dung hồ sơ ứng cử/ đề cử của mình.

Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tài liệu đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Dũng

68-C
TY
HÀN
SẮT
THIÊN
HƯẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
Tham gia Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026

Tên tôi là:
Ngày tháng năm sinh:
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*)
Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*)
Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*),
trung đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và Thông báo về tiêu chuẩn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026, tôi xin được tham gia ứng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đường sắt bình trị Thiên nhiệm kỳ 2021-2026 trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 vào ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch;
- Bản sao CMND, bằng cấp có công chứng;
- Giấy tờ chứng minh là đại diện được ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền).

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty, hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.

Trân trọng./.

....., ngàytháng ... năm 2021

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
Tham gia Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026

Tên tôi là:
Ngày tháng năm sinh:
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*)
Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*)
Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*),
trung đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và Thông báo về tiêu chuẩn đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026, tôi xin được tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt bình trị Thiên nhiệm kỳ 2021-2026 trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 vào ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch;
- Bản sao CMND, bằng cấp có công chứng;
- Giấy tờ chứng minh là đại diện được ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền).

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty, hoàn thành nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty.

Trân trọng./.

....., ngàytháng ... năm 2021
ỨNG CỬ VIÊN
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ

Tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026

Tên tôi là:
Ngày tháng năm sinh:
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần
(Bằng chữ:..... cổ phần)
Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần
(Bằng chữ:..... cổ phần)
Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là: cổ phần
(Bằng chữ:..... cổ phần),
tương đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và Thông báo về tiêu chuẩn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 – 2026, xin đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây:

1. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp
Địa chỉ:
2. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp
Địa chỉ:

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 vào ngày 15/4/2021.

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử;
- Bản sao CMND, bằng cấp có công chứng của người được đề cử.

Trân trọng cảm ơn./.

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
Tham gia Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026

Tên tôi là:
Ngày tháng năm sinh:
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*)
Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*)
Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là: cổ phần
(*Bằng chữ:..... cổ phần*),
tương đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và Thông báo về tiêu chuẩn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 – 2026, xin đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây:

1. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp:
Địa chỉ:
2. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp:
Địa chỉ:

Làm ứng cử viên Kiểm soát viên Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 vào ngày 15/4/2021.

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử;
- Bản sao CMND, bằng cấp có công chứng của người được đề cử.

Trân trọng cảm ơn./.

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2021

CÔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

12. Quan hệ thân nhân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh/ chị/ em ruột					
Chồng /Vợ					
Con					

13. Tổng số lượng cổ phần nắm giữ, trong đó: cổ phần
 + Số lượng cổ phần do cá nhân nắm giữ: cổ phần.
 + Số lượng cổ phần được ủy quyền nắm giữ: cổ phần.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai sót tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2021

**Xác nhận của chính quyền
địa phương/nơi công tác**

....., ngày tháng năm 2021

Người khai
(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
(Theo nhóm)

THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN

Chúng tôi là những Cổ đông của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên (có danh sách kèm theo) cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (bà):.....

Số CMND:..... cấp ngày..... tại.....

Địa chỉ:.....

Số cổ phần ủy quyền:.....

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được quyền thay thế bên ủy quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên tổ chức vào ngày 15/4/2021 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này với số phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được ủy quyền.

- Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc phiên họp.

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền cho bên thứ 3 thực hiện các công việc đã được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

ĐẠI DIỆN NHÓM NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

Ghi chú: Xin vui lòng gửi bản chính Giấy ủy quyền về Công ty trước 16 giờ ngày 10/4/2021



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

1. Bên ủy quyền:

Tên cổ đông:.....
Số CMND/ĐKKD:.....cấp ngày.....tại.....
Địa chỉ:.....
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.
(Bằng chữ:.....cổ phần)

1. Bên nhận ủy quyền:

Ông (Bà):.....
Số CMND/ĐKKD:.....cấp ngày.....tại.....
Địa chỉ:.....
Số cổ phần ủy quyền:.....

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được quyền thay thế bên ủy quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên tổ chức vào ngày 15/4/2021 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này với số phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được ủy quyền.

- Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc phiên họp.

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền cho bên thứ 3 thực hiện các công việc đã được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....
Ghi chú: Xin vui lòng gửi bản chính Giấy ủy quyền về Công ty trước 16 giờ ngày 10/4/2021

6956
IG T
PHAI
NG S
TRỊ TH
THỬA

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01-21 /BC-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2016-2020
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2021-2026**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026, kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2016-2020; kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2016-2020**

Nhiệm kỳ 2016-2020 là nhiệm kỳ đầu tiên Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với nhiều khó khăn, thách thức đặt ra. Bên cạnh các khoản chi phí phát sinh tăng khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trạng thái kết cấu hạ tầng đường sắt vẫn thiếu sự ổn định vững chắc do lâu ngày không được nâng cấp đầu tư sửa chữa... Công ty phải tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại nhân sự; xây dựng, kiện toàn hàng loạt quy định, quy chế phù hợp với mô hình hoạt động mới, quyết liệt chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của nhiệm kỳ 2016-2020, Ban Giám đốc đã luôn bám sát các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, Hội đồng quản trị, chương trình, mục tiêu, kế hoạch của ngành, Bộ Giao thông vận tải để chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất của Công ty; Tham gia đảm nhận các công trình ngoài bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt để tăng doanh thu, lợi nhuận và tăng thu nhập cho người lao động.

Được sự quan tâm của Tổng công ty đường sắt, Bộ GTVT, các cấp chính quyền hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, các ban ngành và đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể CBCNV, người lao động trong Công ty, trong thời gian vừa qua đã cùng với Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2016-2020 Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

I. Về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao nhiệm kỳ 2016-2020

1. Kết quả thực hiện của nhiệm kỳ 2016 - 2020:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện				
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	137.859,38	146.217,05	159.197,69	175.546,74	226.609,09
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	125.431,72	133.044,05	148.838,96	159.642,74	206.039,71
	Sản phẩm KCHT ĐS	nt	114.654,52	116.645,73	135.349,57	140.358,12	155.714,96
	Sản phẩm khác	nt	10.594,28	15.084,24	6.675,54	18.681,90	49.856,64
	Hoạt động TC + TNK	nt	182,90	1.347,08	455,78	602,72	468,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.380,59	2.642,27	2.873,93	4.079,35	5.220,37
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1.901,60	2.066,13	2.246,01	3.260,52	4.041,68
5	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.295,00	1.387,50	1.480	1.961,00	2.035,00
7	Trả cổ tức	%	7,00	7,50	8,0	10,60	11,0
	Trích quỹ đầu tư PT	Tr.đ	188,60	219,33	220,00	387,60	598,20
	Quỹ K thưởng - P Lợi	nt	323,00	359,29	446,008	739,92	1.236,48
	Quỹ thưởng Ng. Q Lý	nt	95,00	100,00	100,00	172,00	172,00
8	Thu nhập	Tr.đ	7,09	7,84	8,74	10,51	11,1

1.1. Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua:

- Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều tăng trong nhiệm kỳ 2016-2020: trong đó sản lượng, doanh thu bình quân tăng 13,57%/năm.

Bao gồm:

+ Doanh thu hoạt động công ích BDTX kết cấu hạ tầng đường sắt bình quân tăng 8%/năm.

+ Doanh thu hoạt động khác bình quân tăng 83%/năm.

Lợi nhuận sau thuế bình quân tăng 21,6%/năm.

Thực hiện chi trả cổ bình quân hàng năm đạt 8,82%/ vốn điều lệ.

Thu nhập của người lao động bình quân 9,06 triệu đồng/người/tháng/năm, tăng bình quân 12%/năm.

1.2. Về Bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt

- Trong suốt cả nhiệm kỳ 2016-2020 Công ty luôn được nghiệm thu hoàn thành 100% khối lượng theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: 169,150 km đường chính tuyến; 21,197 km đường ga; 4.893 m cầu; 5.464,5 m công; 1.015 m hầm; 11.356,4 m² nhà ga-kho ga; 54.313 m² Ke ga- bãi hàng, 42 điểm góc đường ngang.

- Các loại vật tư chủ yếu được đầu tư, thay thế đã góp phần nâng chất lượng cầu đường, đảm bảo an toàn chạy tàu, trong nhiệm kỳ qua đã đưa vào (Ray P50 dài 25m 1.406 thanh, Tà vẹt bê tông DUL các loại 73.323 thanh, Tà vẹt bê tông liền khối 1.852 thanh, Ghi P43: 18 bộ, Lưới ghi 12 lưới, Tâm ghi 7 cái, Tà vẹt cầu, ghi các loại 6.820 thanh, Đá dăm: 67.900 m³

- Thực hiện chủ trương của ngành thông qua các hợp đồng về máy thi công trong 5 năm trên chiều dài quản lý công ty đã thực hiện thi công bằng máy cụ thể như sau: Đã chèn đường bằng máy chèn Áo: 235 km; đã đưa máy sàng đá vào sàng được 15 km; chèn bằng máy chèn BRAD: 320 km; Máy thay tà vẹt: 17.325 thanh; Máy đa công dụng: 1.060 ca; Máy siết bu long: 740 km; Máy nâng mối gục: 2000 mối.

1.3. Về sản xuất kinh doanh ngoài (sản phẩm khác):

Trong nhiệm kỳ 2016-2020 Công ty đã ký hợp đồng và triển khai thi công hoàn thành các công trình ngoài Bảo dưỡng thường xuyên hàng năm như sau:

Năm 2016: Hoàn thành công trình Lắp đặt động cơ dàn chắn các đường ngang; Nâng cấp cải tạo ĐN La Sơn Km 711+663; Sửa chữa ĐS vào kho Thạch Cao Đông Hà; Cứu chữa tai nạn tàu HBN1T1 trật bánh; công trình đường ray dự án ĐS đô thị tuyến Cát Linh – Hà Đông; Gác chắn ĐN vào công ty Dệt May Huế.

Năm 2017: Cải tạo dịch chuyển ĐN Km 718+600; Khắc phục hậu quả bão lũ bước 2: Sửa chữa nâng cấp kè chắn đá ốp mái taluy Km 434+250-434+450, Km 464+300-464+500; Lắp đặt đường ống lồng cấp nước sạch tại Km 623+151; Sửa chữa ĐS vào kho Thạch Cao Đông Hà; Sửa chữa định kỳ Cầu Km 682+372; Trông coi bảo quản vật tư thu hồi gói CP1D, CP2, gói thầu số 3, gói thầu số 8, gói thầu số 13; Thi công rãnh thoát nước đoạn ĐS Lý Thường Kiệt; Kịp thời cứu chữa tai nạn trật bánh tại Km 650+643; Gác chắn ĐN vào công ty Dệt May Huế;

Năm 2018: Hoàn thành công trình Nâng cấp, cải tạo 06 đường ngang biển báo thành đường ngang cảnh báo tự động có cần chắn tự động, tuyến đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh; Gác đường ngang vào nhà máy Dệt May Huế... đạt chất lượng, đảm bảo an toàn và đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Năm 2019: Hoàn thành các công trình: Công trình Sửa chữa, thay ray trên đèo Hải Vân Km 756+200 – Km 776+00 tại vị trí đường cong có bán kính nhỏ ; Sửa chữa khắc phục hư hỏng rãnh thoát nước, chân khay mái taluy một số lý trình Km 581+800 đến Km 724+800; Công trình 07 gói thầu phụ sửa chữa, cải tạo 36 đường ngang theo quyết định 994 của Thủ tướng chính phủ; Công trình đảm bảo an toàn giao thông các đường dân sinh qua đường sắt tuyến đường sắt với Sở Giao thông - Vận tải Thừa Thiên Huế; Gác đường ngang vào nhà máy Dệt May Huế.

Năm 2020: Hoàn thành khối lượng gói thầu số 4 sửa chữa định kỳ Km 606+983 - Km 609+194, Km 609+777 - Km 616+875; gói thầu số 6 thi công 15 cầu thuộc địa phận Q. Bình đến Q. Trị dự án Cải tạo nâng cấp cầu yếu và gia cố trụ chống xô, tuyến ĐS Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh, gói thầu số 9 thi công cải tạo, nâng cấp nền đường, KTTT 1 số đoạn tuyến thuộc các tỉnh Q. Trị, TT. Huế thuộc dự án gia cố hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo KTTT, đoạn Vinh – Nha Trang thuộc dự án 7000 tỷ; Công trình đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường ngang dân sinh qua đường sắt tuyến đường sắt với Sở Giao thông - Vận tải Thừa Thiên Huế; Gác đường ngang vào nhà máy Dệt May Huế; triển khai gói thầu SCĐK Km 589+000 – Km 597+000.

Ngoài ra ký các hợp đồng các gói thầu số 8 dự án Cầu Chui ĐS Bắc Nam tại đường Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; gói thầu số 14 thuộc dự án 7.000 tỷ ở Cam Ranh- Khánh Hòa.

2. Công tác đầu tư mua sắm TSCĐ:

Công tác đầu tư trong nhiệm năm 2016-2020 với tổng nguồn vốn đầu tư 9.052.980.876 đồng, chủ yếu đầu tư mua sắm hàng năm như sau:

- Năm 2016, tổng vốn đầu tư: 1.752.727.273 đồng; Trong đó, đầu tư mua sắm (02 máy chèn đường cầm tay, 01 máy xúc đào mini).

- Năm 2017, tổng nguồn vốn đầu tư: 1.905.626.331 đồng; Trong đó, đầu tư mua

sắm (02 máy chèn đường cầm tay, 02 máy chèn đường thủy lực; 02 máy cưa ray, cải tạo nhà làm việc cơ quan Công ty).

- Năm 2018, tổng nguồn vốn đầu tư: 907.172.727 đồng; trong đó đầu tư mua sắm (02 máy chèn đường thủy lực; 02 máy cưa ray, Lắp đặt hệ thống camera giám sát đường ngang).

- Năm 2019, tổng nguồn vốn đầu tư: 1.740.800.000 đồng; trong đó đầu tư mua sắm (05 máy xiết bu long đường, 01 máy toàn đạc điện tử, 04 máy chèn đường thủy lực; 01 dàn đèn phục vụ thi công).

- Năm 2020, tổng vốn đầu tư: 2.746.454.545 đồng; trong đó đầu tư mua sắm (04 máy xiết bu long đường, 01 máy xiết bulong lập lách, 01 dàn đèn phục vụ thi công, 02 kích dòn ray; 04 máy đầm, 01 máy bơm nước, 01 Tủ hợp phát điện công suất 30KVA và 01 xe ô tô 5 chỗ).

3. Một số công tác khác:

- Xây dựng quy chế nội bộ, các quy định phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng công tác.

- Đánh giá hoạt động sản xuất và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; nâng cao chất lượng công tác, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao.

- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, đoàn Thanh Niên chăm lo đời sống cả về vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên chức và người lao động trong Công. Luôn quan tâm và tạo điều kiện để mỗi tổ chức đoàn thể hoạt động và phát huy tốt vai trò của mình. Tích cực tham gia các hoạt động thể thao, văn nghệ do các tổ chức chính trị - xã hội phát động. Đóng góp cho các quỹ: đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, ủng hộ bảo lụt, Coovit-19.

- Công tác dân quân tự vệ, an ninh quốc phòng luôn được Công ty chú trọng. An ninh trật tự trong doanh nghiệp được bảo đảm; tài sản nhà nước được quản lý, bảo vệ an toàn.

- Công tác quan hệ đối ngoại giữa Công ty và các ngành, đơn vị trong ngành, các Ban quản lý dự án đã được nâng lên rất rõ rệt.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Tỷ lệ % TH 2020/ KH 2020
			Kế hoạch ĐHĐCD giao	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	212.894,19	226.609,09	106,44%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	193.862,00	206.039,71	106,28%
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	151.624,05	155.714,96	102,70%
	- Sản phẩm khác	Tr.đ	42.238,00	49.856,64	118,04%

195
 67
 HẢ
 GS
 RI TI
 HỮU

với năm 2019 (thu nhập năm 2019 là: 10,51 triệu đồng/người/tháng).

3. Đánh giá tình hình tài chính

Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020	Tỷ lệ %
1. TÀI SẢN			
a. Tài sản ngắn hạn	56.433.787.106	93.506.894.688	165,69%
b. Tài sản dài hạn	10.441.011.550	11.564.318.977	110,75%
Tổng tài sản	66.874.798.656	105.071.213.665	157,11%
2. NGUỒN VỐN			
a. Nợ phải trả	44.486.349.163	81.514.195.312	183,23%
- Nợ ngắn hạn	44.486.349.163	81.514.195.312	183,23%
- Nợ dài hạn			
b. Vốn chủ sở hữu	22.388.449.493	23.557.018.353	105,30%
Tổng nguồn vốn	66.874.798.656	105.071.213.665	157,11%

a) Tình hình tài sản

- Tài sản dài hạn cuối năm 2020 tăng so với đầu năm 2020 là mua sắm thêm TSCĐ.

b) Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả ngắn hạn cuối năm 2020 (81,5 tỷ đồng) tăng so với đầu năm 2020 là do người mua trả tiền trước (21,3 tỷ đồng); phải trả cho người lao động (16,9 tỷ đồng) tiền lương và các khoản khác sẽ được chi trả trong tháng 01/2021; phải trả cho người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác là (41,9 tỷ đồng trong đó chủ yếu là nguyên vật liệu của các công trình sửa chữa định kỳ, dự án 7.000 tỷ).

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Ban Lãnh đạo đã tiếp tục tiến hành rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc cho phù hợp với tình hình thực tế.

Quản lý nguồn nhân lực hợp lý, luân chuyển và phân công nhiệm vụ cho cán bộ theo đúng năng lực và kinh nghiệm.

Vốn tại doanh nghiệp được quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý.

Chủ động về nguồn vốn để đảm bảo nhu cầu vốn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tăng cường công tác quản trị rủi ro tài chính và thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giảm tối đa chi phí tăng lợi nhuận cho Công ty.

Kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo hoạt động sản xuất và thanh quyết toán các công trình đúng trình tự thủ tục và các quy định của pháp luật.

5. Một số tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Năng lực của Công ty trong lĩnh vực xây lắp còn thấp (về thi công cầu, cống), nên khó khăn khi tham gia các công trình sửa chữa cầu, đường sắt, kiến trúc có giá trị lớn, phải liên danh hoặc làm thầu phụ.

- Thu hồi nợ một số đơn vị ngoài còn gặp khó khăn.

- Tình hình vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt còn xảy ra nhiều;
- Tình hình vi phạm quy trình, quy phạm của người lao động còn xảy ra;
- Trạng thái cầu đường trong phạm vi quản lý một số đoạn bị xuống cấp, kinh phí cho bảo trì còn hạn chế, chưa đáp ứng khắc phục được mức độ xuống cấp của cầu đường.
- Lực lượng lao động trình độ cao còn thiếu, công nhân chưa đáp ứng về tay nghề, chưa có kinh nghiệm thi công các công trình lớn. Một số nhân viên chậm đổi mới phong cách làm việc, chưa tuân thủ nội quy lao động, quy chế của Công ty cổ phần, vẫn còn mang nặng tư tưởng “bao cấp”.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2021-2026

Trước diễn biến của dịch Covid-19 ngày càng nghiêm trọng, phức tạp, khó lường ảnh hưởng đến mọi hoạt động kinh tế xã hội và một phần trực tiếp tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc ký được hợp đồng đặt hàng BDTX năm 2021 chậm cũng gây không ít khó khăn về nguồn vốn.

Phát huy những kết quả đạt được trong giai đoạn năm 2016-2020; trên cơ sở các mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ Hội đồng Quản trị đưa ra nhiệm kỳ 2021- 2026, Ban Điều hành Công ty nghiên cứu, tập trung triển khai một giải pháp như sau:

1. Hoạt động BDTX kết cấu HT đường sắt:

- Xác định hoạt động trong lĩnh vực BDTX kết cấu hạ tầng đường sắt là nhiệm vụ then chốt; do đó, Công ty sẽ chú trọng thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng duy tu cầu đường và có các biện pháp, giải pháp về an toàn; giám sát thực hiện nhiệm vụ lên ban của hệ ban kíp.

- Đưa máy móc, thiết bị vào thi công Bảo dưỡng đường sắt nhằm tăng năng suất lao động.

- Xây dựng phương án giá sản phẩm, phương án tác nghiệp từng quý phù hợp với nguồn kinh phí thông qua hợp đồng đặt hàng (ưu tiên là công tác an toàn).

- Giảm điểm xóc lắc bình quân thấp hơn với chỉ tiêu Tổng công ty đường sắt Việt Nam giao.

2. Kinh doanh khác:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh, kinh nghiệm trong thi công xây lắp các công trình hạ tầng chuyên ngành đường sắt, đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng; sẵn sàng tăng cường đáp ứng yêu cầu chủ đầu tư đề ra.

- Ban giám đốc Công ty tiếp cận, quan hệ với các ban quản lý dự án, chủ đầu tư để tìm kiếm, đảm nhận các công trình ngoài Bảo dưỡng thường xuyên hàng năm.

- Tiếp tục theo dõi và bám sát Chiến lược và Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường sắt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 10/2/2015 và Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/8/2015, của Giai đoạn đến năm 2020 đến năm 2030 trong đó ưu tiên các tuyến Hà Nội và Thành phố Hồ Chí



tàu, tai nạn lao động do chủ quan gây ra, giảm thiểu tai nạn khi tham gia giao thông.

Hoàn thành khối lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, hoàn thành các công trình ngoài đảm bảo chất lượng và tiến độ, đồng thời tích cực, linh hoạt trong tìm kiếm việc làm để nâng cao giá trị sản lượng, doanh thu, thu nhập bình quân đầu người.

Sử dụng có hiệu quả máy móc thiết bị hiện có. Đầu tư hợp lý máy móc thiết bị để phát triển sản xuất kinh doanh và thi công các công trình xây dựng cơ bản. Chủ động tìm kiếm đối tác, khách hàng để thực hiện việc cho thuê các loại máy móc thiết bị, phương tiện vận tải nhằm nâng cao sản lượng, doanh thu.

Mở rộng quan hệ với các Chủ đầu tư, các doanh nghiệp trong và ngoài ngành để tìm kiếm việc làm hoặc liên danh thi công nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong việc đấu thầu các công trình, dự án.

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch chi phí, thực hiện các biện pháp quản lý kinh tế chặt chẽ, tiết kiệm, hợp lý nhằm đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức.

Tiếp tục xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi và ban hành hệ thống quy chế nội bộ phù hợp để thúc đẩy sự phát triển SXKD hiệu quả. Trong đó chú trọng việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, coi trọng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc lành mạnh và giữ vững niềm tin đối với người lao động và các cổ đông.

Thu nhập bình quân của người lao động bằng năm 2020 11,1 triệu đồng/người/tháng.

Phát huy sức mạnh đoàn kết và vai trò của các tổ chức đoàn thể, tiếp tục tạo sự chuyển biến cả về cơ sở vật chất lẫn nếp sống, kỷ cương, kỷ luật trong toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động.

Trên đây là báo cáo của Ban Giám đốc về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2016-2020, kết quả thực hiện năm 2020; phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026, kế hoạch thực hiện của Ban Giám đốc năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tài liệu đại hội.



GIÁM ĐỐC

Lê Hồng Hải



Số: 02-21 /BC-HĐQT

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2016 – 2020, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020;
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT NHIỆM KỲ 2021-2026 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên;

Hội đồng quản trị Công ty CPĐS Bình Trị Thiên báo cáo Đại hội đồng cổ đông tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026, như sau:

I. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM KỲ 2016 - 2020

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 26 tháng 12 năm 2015, bầu Hội đồng quản trị gồm 3 thành viên; trong đó bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị ông Võ Dũng; Giám đốc là ông Trần Hoán; thành viên HĐQT là ông Đặng Văn Thanh. Năm 2020 có sự thay đổi về nhân sự, ông Lê Hồng Hải được bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020 và được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty từ ngày 15/6/2020 đến nay.

2. Đánh giá một số chỉ tiêu của nhiệm kỳ 2016 - 2020

Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, đã thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có những đóng góp tích cực trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình thực tiễn, phát huy những thế mạnh liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo và định hướng để Giám đốc điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 26/12/2015 đã đề ra. Tăng trưởng bình quân nhiệm kỳ 2016 -2020 về sản lượng, doanh thu hàng năm tăng 13,57%, Lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 21,6%/năm; tỷ lệ trả cổ tức bình quân hàng năm bằng 8,82% so với vốn điều lệ; thu nhập bình quân của người lao động cả nhiệm kỳ 9,06 triệu đồng/người/tháng/năm tăng bình quân 11,78%/năm và tăng 39,38% so với năm 2015 trước khi cổ phần hóa (thu nhập năm 2015 là 6,5 triệu đồng/người/tháng), nộp ngân sách nhà nước hàng năm đầy đủ theo đúng quy định,

3. Công tác đầu tư (Đầu tư bằng nguồn vốn khấu hao TSCĐ)

Năm 2016, tổng vốn đầu tư: 1.752.727.273 đồng; Trong đó, đầu tư mua sắm (02 máy chèn đường cầm tay, 01 máy xúc đào mini);



Năm 2017, tổng nguồn vốn đầu tư: 1.905.626.331 đồng; Trong đó, đầu tư mua sắm (02 máy chèn đường cầm tay, 02 máy chèn đường thủy lực; 02 máy cưa ray, cải tạo nhà làm việc cơ quan Công ty);

Năm 2018, tổng nguồn vốn đầu tư: 907.172.727 đồng; trong đó đầu tư mua sắm (02 máy chèn đường thủy lực; 02 máy cưa ray, Lắp đặt hệ thống camera giám sát đường ngang);

Năm 2019, tổng nguồn vốn đầu tư: 1.740.800.000 đồng; trong đó đầu tư mua sắm (05 máy xiết bu long đường, 01 máy toàn đạc điện tử, 04 máy chèn đường thủy lực; 01 dàn đèn phục vụ thi công);

Năm 2020, tổng vốn đầu tư: 2.746.454.545 đồng; trong đó đầu tư mua sắm (04 máy xiết bu long đường, 01 máy xiết bulong lập lách, 01 dàn đèn phục vụ thi công, 02 kích dòn ray; 04 máy đầm, 01 máy bơm nước, 01 Tổ hợp phát điện công suất 30KVA và 01 xe ô tô 5 chỗ);

Tổng nguồn vốn đầu tư trong 5 năm (2016 - 2020) là: 9.052.980.876 đồng

4. Tình hình quản trị Công ty

Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 189 Nghị quyết và 135 Quyết định về đầu tư, về nhân sự, ban hành Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định công tác tổ chức, bộ máy.... về định hướng và phát triển Công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

Trong nhiệm kỳ 2016-2021 ngoài các phiên họp định kỳ mỗi năm 4 lần theo đúng quy định, khi xét thấy cần thiết HĐQT cũng triệu tập họp đột xuất để bàn thống nhất thông qua một số nội dung cần triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tháng, quý, năm, bàn bạc thảo luận, thống nhất qua các cuộc họp đột xuất, thông qua điện thoại, lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời đưa ra các nghị quyết, quyết định định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong 5 năm qua đã tổ chức 51 cuộc họp bất thường, thông qua xin ý kiến bằng văn bản 118 lần.

6. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị giám sát Ban điều hành Công ty thông qua việc kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong nhiệm kỳ qua, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có những khó khăn.

7. Việc chấp hành, của người đại diện đối với chủ trương, nghị quyết và chỉ đạo của chủ sở hữu:

Trong 5 năm công tác quản lý tài chính Công ty đã thực hiện đúng theo quy chế quản lý tài chính Công ty; quy chế chi tiêu nội bộ; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2016 - 2020 và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; Điều lệ Công ty và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu vốn sản xuất. Tiền lương và các chế độ khác, thực hiện chi trả đầy đủ và kịp thời cho CBCNV và người lao động. Trích nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN kịp thời và đầy đủ theo quy định.

- Thực hiện nhiều biện pháp và giải pháp về quản lý các khoản nợ phải thu và nợ phải trả, thanh toán kịp thời các khoản nợ phải trả đối với khách hàng.

- Hoàn thành thủ tục giao dịch chứng khoán trên sàn UpCom thuộc sàn giao dịch chứng khoán Hà nội; đồng thời Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được công khai trên trang website: <http://dsbinhtrithien.vn>, công bố trên hệ thống công bố thông tin của (VSD) về các thông tin của doanh nghiệp theo đúng quy định.

8. Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện điều lệ, nội quy, quy chế Công ty:

Trong 5 năm, mặc dù Công ty đã có rất nhiều Đoàn thanh kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, nhưng kết quả về công tác kiểm tra, thanh tra, Công ty đã thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, điều hành thực hiện tốt mọi nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty theo đúng quy định và pháp luật hiện hành.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Năm 2020 Công ty gặp rất nhiều khó khăn như: Tình hình dịch bệnh Covid 19 với diễn biến kéo dài ngày càng phức tạp, bên cạnh đó thời gian ký Hợp đồng đặt hàng chậm nhưng nhờ sự linh động của HĐQT, Ban điều hành trong quản lý, giám sát, điều hành, sự bố trí hợp lý cơ cấu lao động, sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, người lao động trong Công ty, sự hỗ trợ, giúp đỡ của Bộ Giao thông vận tải, Công ty mẹ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nên Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra với doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch ĐHCĐ giao:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

(ĐVT: triệu đồng)

T T	Tên chỉ tiêu	TH 2019	Năm 2020		Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH2020/ TH2019	TH2020/ KH2020
1	Vốn điều lệ	18.500,00	18.500,00	18.500,00	100%	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	175.546,74	212.894,19	226.609,09	129,08%	106,44%
3	Tổng doanh thu	159.642,74	193.862,00	206.039,71	129,06%	106,28%
a	Sản phẩm quản lý, bảo trì KCHT đường sắt	140.358,12	151.624,05	155.714,96	110,94%	102,70%
b	Sản phẩm khác	18.681,90	42.238,00	49.856,64	269,38%	118,04%
c	Hoạt động tài chính + Thu nhập khác	602,72		468,10	77,66%	
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.079,35	5.036,00	5.220,37	127,97%	103,66%
5	Lợi nhuận sau thuế	3.260,52	4.029,00	4.041,48	123,95%	100,31%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	1.961,00	2.035,00	2.035,00	103,77%	100%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	10,6%	11%	11%	103,77%	100%

T T	Tên chỉ tiêu	TH 2019	Năm 2020		Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH2020/ TH2019	TH2020/ KH2020
8	Thu nhập BQ của người lao động	10,51	11,02	11,10	105,61%	100,69%

+ Sản lượng, doanh thu thực hiện năm 2020 lần lượt tăng 29,08%, 29,06% so với cùng kỳ năm 2019.

+ Lợi nhuận sau thuế tăng 23,95% so với cùng kỳ năm 2019, vượt chỉ tiêu kế hoạch là do Công ty đã tích cực tìm kiếm thêm việc làm và tiết kiệm chi phí trong quá trình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

+ Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, thường xuyên sâu sát trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát Ban điều hành và bộ phận trực thuộc thực hiện các công việc; Kịp thời hỗ trợ, định hướng các hoạt động của Ban điều hành Công ty, từ đó đã duy trì hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động; bảo toàn nguồn vốn cho các cổ đông.

2. Về tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng (Người quản lý công ty)

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của Người quản lý công ty là: **2.107.200.000 đồng**.

- Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 của Người quản lý công ty là: **1.924.525.000 đồng** (chi tiết theo Tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCĐ). Năm 2020 Công ty đã chi trả toàn bộ số tiền này cho Người quản lý.

3. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Căn cứ vào danh sách các đơn vị kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua và theo đề xuất của Ban kiểm soát. HĐQT đã chọn **Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc**, có Địa chỉ tại: P.709, D11, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

4. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2020, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình tuân thủ theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần và duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty.

- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) để chỉ đạo, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời xây dựng các cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Chỉ đạo thực hiện lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án thực hiện để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị thường xuyên quan tâm hỗ trợ, giám sát hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo điều hành đối với Ban Giám đốc thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, thông qua trao đổi hàng ngày hoặc thông qua các số liệu báo cáo của các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc.

5. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

Hội đồng quản trị đã duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định (3 tháng/lần) và họp bất thường khi cần thiết hoặc xin ý kiến thành viên HĐQT. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát, với tư cách là quan sát viên.

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông: Võ Dũng	Chủ tịch HĐQT	16	100 %	
2	Ông: Trần Hoán	Thành viên HĐQT	6	37,5 %	Do miễn nhiệm
3	Ông: Lê Hồng Hải	Thành viên HĐQT	10	62,5 %	Bầu mới từ 15/6/2020
4	Ông: Đặng Văn Thanh	Thành viên HĐQT	16	100%	

- Qua các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên, HĐQT đã ban hành 51 Nghị quyết, 29 Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

6. Hoạt động của các Thành viên HĐQT

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định trong Điều lệ của Công ty.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thảo luận, đưa ra các ý kiến đóng góp trên tinh thần xây dựng, cầu thị nhằm đạt được các mục tiêu mà ĐHCĐ giao.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

* Những việc đã làm được:

+ Đã tuân thủ bám sát định hướng, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị công ty trong việc triển khai các nghị quyết năm 2020.

+ Thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận năm 2020 do Đại Hội đồng cổ đông giao.

+ Hoàn thành các báo cáo tài chính của Công ty, phối hợp cùng Công ty TNHH kiểm toán AFC hoàn thành công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

+ Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác đấu thầu mua sắm hàng hóa năm 2020;



+ Đã thực hiện phân công nhiệm vụ, trách nhiệm quản lý, điều hành cho từng thành viên Ban điều hành và các đơn vị.

Thu nhập bình quân của người lao động thực hiện năm là 11,1 triệu đồng/người/tháng tăng 0,69% so với kế hoạch, tăng 5,61% so với năm 2019 (thu nhập bình quân năm 2019 là: 10,51 triệu đồng/người/tháng).

*** Những việc còn tồn tại:**

- Năng lực của Công ty trong lĩnh vực xây lắp còn thấp, nên khó khăn khi tham gia các công trình sửa chữa cầu, đường sắt, kiến trúc có giá trị lớn, phải liên danh hoặc làm thầu phụ.

- Thu hồi nợ một số đơn vị ngoài còn gặp khó khăn.

- Tình hình vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt còn xảy ra nhiều;

- Tình hình vi phạm quy trình quy phạm của người lao động còn xảy ra;

IV. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NHIỆM KỲ 2021-2026 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu của nhiệm kỳ 2021-2026:

- Doanh thu tăng bình quân hàng năm 10% trở lên.

- Lợi nhuận sau thuế tăng bình quân hàng năm 5% trở lên.

- Tỷ lệ trả cổ tức bình quân hàng năm 11%.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ % KH 2021/ TH 2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	226.596,87	256.047,22	112,99%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	206.039,71	232.828,83	113,00%
	- Sản phẩm quản lý, bảo trì KCHT đường sắt	Tr.đ	155.714,97	137.222,74	88,10%
	- Sản phẩm khác	Tr.đ	49.856,64	95.256,09	190,6%
	- Doanh thu tài chính + Thu nhập khác	Tr.đ	468,10		
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.220,37	5.482,98	105,0%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.041,49	4.386,38	108,5%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100,0%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11,0	11,0	100,0%
8	Thu nhập BQ của người LĐ	Tr.đ	11,1	11,1	100,0%

3. Định hướng của Hội đồng quản trị

+ Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và quản trị doanh nghiệp;

+ Hoàn thiện và quản lý tài chính chặt chẽ, minh bạch nhằm ổn định công tác tài chính của công ty và tạo đà phát triển cho các năm tiếp theo;

+ Mở rộng địa bàn hoạt động, tích cực tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt, đường bộ, dân dụng để nâng cao năng lực Công ty tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững.

+ Tập trung chỉ đạo và cùng Ban điều hành thực hiện thu hồi triệt để các công nợ tồn đọng; Kiểm soát, quản lý tốt dòng tiền đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế vay nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

+ Kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, phải trả hàng tháng, xây dựng kế hoạch dòng tiền sát với hoạt động sản xuất kinh doanh và cân đối trong từng giai đoạn, từng lĩnh vực. Tiếp tục thiết lập, mở rộng mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng;

+ Chỉ đạo, yêu cầu tiết giảm tối đa các chi phí của Công ty; lập kế hoạch chi phí quản lý, chi phí tài chính hợp lý; Rà soát toàn diện các chi phí để xây dựng định mức chi tiêu nội bộ;

+ Tăng cường công tác đối ngoại, tiếp cận các thông tin để tham gia nhận đặt hàng, chào giá, đấu thầu, tìm kiếm bổ sung thêm việc làm; Khai thác tối đa năng lực máy móc, thiết bị hiện có của Công ty.

+ Chủ động mở rộng liên hệ hợp tác với các đối tác khách hàng mới liên quan đến hoạt động của Công ty. Chỉ đạo hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành, trong công tác thị trường, trong công tác quản lý.

+ Tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi để ban hành hoàn chỉnh hệ thống các quy chế quản trị, quy trình quản lý của Công ty;

+ Thực hiện các hoạt động liên quan đến cổ đông, chứng khoán và các quy định về công bố thông tin.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020, kết quả thực hiện năm 2020; định hướng các chỉ tiêu chủ yếu nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2021.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: Tài liệu đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Dũng

Số: 03-21/BC-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2016 – 2020, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020; ĐỊNH HƯỚNG
HOẠT NHIỆM KỲ 2021-2026, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên báo cáo Đại hội đồng cổ đông tổng kết nhiệm kỳ 2016-2021; phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026 với những nội dung chủ yếu như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN
KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2016 – 2020, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2016 – 2020

1. Về nhân sự: Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 26/12/2015 đã bầu Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên. Trong năm 2019, nhân sự của Ban Kiểm soát có biến động: Đ/c Lê Hồng Hải thôi giữ chức Trưởng ban kiểm soát từ ngày 06/12/2019 và đ/c Nguyễn Hữu Tuyển được đại hội cổ đông bất thường ngày 06/12/2019 bầu bổ sung vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016-2020 và Ban kiểm soát bầu đ/c Nguyễn Hữu Tuyển giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát từ đó đến nay.

2. Về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Trong nhiệm kỳ 2016 -2020 Hội đồng quản trị, ban điều hành công ty đã tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Nguồn vốn được bảo toàn và phát triển.
- Sản lượng, doanh thu tăng bình quân hàng năm tăng 13,57%.
- Lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 21,6%/năm;
- Tỷ lệ trả cổ tức bình quân hàng năm bằng 8,82% so với vốn điều lệ;

3. Về tình hình đầu tư mua sắm từ nguồn khấu hao tài sản:

Trong nhiệm kỳ vừa qua tổng kinh phí đầu tư mua sắm từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định là: 9.052.980.876 đồng. Việc thực hiện mua sắm theo đúng quy định của pháp luật về quản lý dự án, đấu thầu và quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

4. Về tình hình tài chính Công ty:

- Công tác quản lý tài chính của Công ty được thực hiện theo Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo tài chính định kỳ theo qui định.

- Công tác quản lý và theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng theo quy định, các khoản thu chi quỹ tiền mặt đều có lập phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ gốc đính kèm đầy đủ. Cuối kỳ tiền mặt được kiểm kê, đối chiếu và xác nhận đầy đủ.

- Công ty mở sổ kế toán chi tiết và tổng hợp theo dõi các khoản phải thu, phải trả, số chi tiết của các khoản chi phí sản xuất theo từng đối tượng sản xuất, có phân công cán bộ theo dõi đôn đốc thu hồi nợ, thực hiện đối chiếu công nợ vào thời điểm cuối năm.

- Công tác quản lý tài sản và khấu hao tài sản cố định công ty thực hiện theo Thông tư quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Cuối năm có thực hiện kiểm kê, đánh giá và phân loại tài sản.

- Sổ sách, chứng từ kế toán thực hiện theo thiết kế phần mềm kế toán đã được cài đặt sẵn, cuối tháng, quý và cuối năm, từng nhân viên Phòng TCKT được phân công theo dõi, in sổ, trình ký theo mẫu quy định, đồng thời lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Các khoản chi phí: Các khoản chi phí chi đúng Quy chế quản lý tài chính công ty các quy định của Bộ Tài chính và pháp luật.

- Chi trả lương, thù lao, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm: Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm, dựa vào các tiêu chí đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

5. Về Công tác quản trị và điều hành:

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Hội đồng quản trị họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên của HĐQT đều có sự thống nhất cao, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành và triển khai thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc trong nhiệm kỳ (2016 - 2020).

Trong 5 năm Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với công tác chỉ đạo, điều hành của HĐQT và Giám đốc Công ty.

Trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã đề ra những định hướng đúng đắn mở rộng quan hệ hợp tác, nâng cao năng lực, chất lượng

1330
CỔ
CỔ
ĐƯỢC
BÌNH
TÍNH

thi công, tạo sự được uy tín đối với các chủ đầu tư đem lại doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động và thu nộp ngân sách năm sau luôn cao hơn năm trước.

Từng bước sắp xếp và tinh giảm bộ máy quản lý tại Công ty và người lao động đảm bảo hiệu quả và hợp lý.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Các hoạt động trong năm 2020 của Ban kiểm soát (BKS).

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; Phân công nhiệm vụ cho từng kiểm soát viên để triển khai thực hiện;

- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, cụ thể:

+ Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty.

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2020 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

+ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.

+ Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam. Căn cứ các ý kiến của Kiểm toán độc lập để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán đến các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo các thông tin đến Cổ đông một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời. Trong năm 2020 không có đơn thư, yêu cầu hoặc khiếu nại nào của Cổ đông gửi đến Ban kiểm soát.

- Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

+ Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng do Giám đốc chủ trì, để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của

Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt.

+ Ban kiểm soát được tiếp cận và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về các quyết định của HĐQT, các tài liệu, hồ sơ khác lưu trữ tại Công ty khi có yêu cầu.

2. Tiền Lương, thù lao, các khoản lợi ích của Ban kiểm soát:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Đối tượng	Số người	Tổng quỹ lương, thù lao năm 2020
I	Tiền lương		
1	Trưởng Ban kiểm soát	01	277,2
II	Thù lao		
1	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02	16,8
	Tổng cộng (I+II)		294,0

Tiền lương, thù lao năm 2020 của Ban kiểm soát được Công ty chi trả đúng theo tiền lương kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ. Tất cả các cuộc họp của Ban kiểm soát đều có sự tham gia của Thành viên Hội đồng quản trị. Kết quả tham dự các cuộc họp của các thành viên Ban kiểm soát như sau:

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Hữu Tuyển	Trưởng ban	04/04	100%	
2	Nguyễn Ích Lân	Thành viên	04/04	100%	
3	Trần Anh Tuấn	Thành viên	04/04	100%	

4. Hoạt động của các Kiểm soát viên

- Các Kiểm soát viên đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận, đưa ra các ý kiến đóng góp để nâng cao hiệu quả giám sát của Ban kiểm soát, nhằm đạt được các mục tiêu mà ĐHCĐ giao.

5. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty.

- Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức họp và thống nhất và ban hành 51 Nghị quyết và 29 Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết

định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện tốt nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT theo đúng chức năng và thẩm quyền. Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực để củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, điều hành công ty đảm bảo tình hình SXKD của Công ty được duy trì tốt. Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Ban Kiểm soát cho rằng HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. HĐQT, Ban Giám đốc đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Ban Kiểm soát ghi nhận chưa phát hiện bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc.

6. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, giám đốc

Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

7. Về thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

7.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Tỷ lệ % TH 2020/ KH 2020
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	212.894,19	226.609,09	106,44%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	193.862,00	206.039,71	106,28%
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	151.624,05	155.714,96	102,70%
	- Sản phẩm khác	Tr.đ	42.238,00	49.856,64	118,04%
	- Doanh thu tài chính + Thu nhập khác	Tr.đ		468,10	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.036,00	5.220,37	103,66%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.029,00	4.041,68	100,31%
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng	2.035,00	2.035,00	100%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	11	11	100%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	18.500	18.500	100%

7.2. Về Tình hình tài chính:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
A. TỔNG TÀI SẢN		105.071.213.665	66.874.798.656

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
I. Tài sản ngắn hạn	100	93.506.894.688	56.433.787.106
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.487.059.415	744.762.214
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	53.486.492.503	50.966.547.981
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
4. Hàng tồn kho	140	35.391.241.993	4.402.121.956
5. Tài sản ngắn hạn khác	150	142.100.777	320.354.955
II. Tài sản dài hạn	200	11.564.318.977	10.441.011.550
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		
2. Tài sản cố định	220	10.230.795.860	9.565.012.554
- Tài sản cố định hữu hình	221	10.230.795.860	9.565.012.554
3. Tài sản dở dang dài hạn			
4. Tài sản dài hạn khác	260	1.333.523.117	875.998.996
B. TỔNG NGUỒN VỐN		105.071.213.665	66.874.798.656
I. Nợ phải trả	300	81.514.195.312	44.486.349.163
1. Nợ ngắn hạn	310	81.514.195.312	44.486.349.163
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	330		
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	23.557.018.353	22.388.449.493
1. Vốn của chủ sở hữu	410	23.557.018.353	22.388.449.493
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18.500.000.000	18.500.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	418	1.015.530.710	627.930.710
- Lợi nhuận chưa phân phối	421	4.041.487.643	3.260.518.783
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0

7.3. Một số chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Chỉ tiêu	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản		3 Khả năng thanh toán	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	88,9%	- Khả năng thanh toán nhanh (TSNH - Hàng TK)/Nợ ngắn hạn	0,71 lần
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	11,0%	- Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,15 lần
2	Cơ cấu nguồn vốn		4 Hiệu quả sử dụng vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	77,58%	- Tỷ suất LNST/ Tổng t.sản (ROA)	3,83%
	- Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	22,42%	- Tỷ suất LNST / Doanh thu thuần	2,12%
	- Nợ phải trả/Vốn CSH	3,45 lần	- Tỷ suất LNST / Vốn CSH (ROE)	20,66%
	- Bảo toàn vốn CSH: (Tổng DT + TN khác - tổng CP - Trích lập dự phòng) \geq 0	Bảo toàn vốn	- Lãi cơ bản / CP	1.523đ

7.4. Về tình hình tài chính:

+ Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AFC, là đơn vị được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Kiểm toán viên đã có ý kiến chấp nhận toàn phần BCTC năm 2020 do Công ty lập và xác nhận BCTC “*đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty*”.

+ Các khoản nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước Công ty thực hiện nghiêm túc;

+ Công ty đã duy trì công tác theo dõi, trả nợ, thu hồi nợ thường xuyên, cuối quý đều có đối chiếu công nợ đến từng khách hàng.

- Các chỉ tiêu khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được đảm bảo:

+ Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH đạt 3,46 lần.

+ Bảo toàn vốn của chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

+ Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành đều đảm bảo trên mức cho phép.

- Công tác đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định: Công ty thực hiện mua sắm tài sản cố định với giá trị **2.746.454.545 đồng** từ quỹ trích khấu hao TSCĐ của Công ty.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2021-2026:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm của nhiệm kỳ 2021-2026, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Định kỳ thẩm tra tính trung thực của báo cáo tài chính 6 tháng, năm; Tư vấn cho Hội đồng quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty; Nắm bắt các cơ chế, chính sách pháp luật mới ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Hàng năm xây dựng chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông.

- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao cho Cổ đông, doanh nghiệp.

1. Phương hướng nhiệm vụ năm 2021

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Định kỳ thẩm định tính trung thực của báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2021.

- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Giám sát hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc;

- Đề xuất đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao hàng tháng

- Nắm bắt các cơ chế, chính sách pháp luật mới ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Đưa ra chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông.

- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao cho Cổ đông, doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2016-2020, kết quả thực hiện năm 2020; định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: Tài liệu Đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hữu Tuyền



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 VÀ NHIỆM KỲ 2016-2020

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt BTT
Căn cứ vào các BCTC đã được kiểm toán bởi công ty AFC.

Thay mặt Ban điều hành, Kế toán trưởng công ty xin báo cáo một số chỉ tiêu tài chính nhiệm kỳ 2016-2020 và báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

I. Báo cáo một số chỉ tiêu tài chính nhiệm kỳ 2016-2020:

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Về bảng cân đối kế toán:					
TỔNG TÀI SẢN	59,659	58,522	57,084	66,875	105,071
A. Tài sản ngắn hạn	46,405	46,988	46,174	56,434	93,507
B. Tài sản dài hạn	13,254	11,534	10,910	10,441	11,564
TỔNG NGUỒN VỐN	59,659	58,522	57,084	66,875	105,071
C. Nợ phải trả	39,257	37,767	35,930	44,486	81,514
D. Vốn chủ sở hữu	20,402	20,755	21,154	22,388	23,557
2. Kết quả sản xuất kinh doanh					
a. Tổng doanh thu	125,431	133,044	135,349	159,643	206,040
b. Tổng chi phí	123,051	130,402	132,475	155,564	200,819
c. Lợi nhuận trước thuế	2,380	2,642	2,874	4,079	5,220
d. Lợi nhuận sau thuế	1,901	2,066	2,246	3,261	4,041

II. Về Báo cáo tài chính và công tác tài chính năm 2020:

1. Về bảng Cân đối kế toán:

TỔNG TÀI SẢN:	105.071.213.665
A. Tài sản ngắn hạn	93.506.894.688
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.487.059.415
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	53.486.492.503
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	49.965.689.912
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	303.268.883
3. Phải thu ngắn hạn khác	4.720.523.831
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	(1.502.990.123)
III. Hàng tồn kho	35.391.241.993
IV. Tài sản ngắn hạn khác	142.100.777
B. Tài sản dài hạn	11.564.318.977



I. Tài sản cố định	10.230.795.860
1. Tài sản cố định hữu hình	10.230.795.860
- Nguyên giá	36.753.141.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	(26.522.345.772)
II. Tài sản dài hạn khác	1.333.523.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.333.523.117

TỔNG NGUỒN VỐN **105.071.213.665**

C. Nợ phải trả **81.514.195.312**

I. Nợ ngắn hạn	81.514.195.312
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	41.920.310.128
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.318.206.851
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.156.675.126
4. Phải trả người lao động	16.936.746.032
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	0
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	182.257.175

D. Vốn chủ sở hữu **23.557.018.353**

I. Vốn chủ sở hữu	23.557.018.353
1. Vốn góp của chủ sở hữu	18.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.041.487.643
3. Quỹ đầu tư phát triển	1.015.530.710

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

1. Tổng doanh thu	206.039.710.986
2. Tổng chi phí	200.819.337.818
3. Lợi nhuận trước thuế	5.220.373.168
4. Lợi nhuận sau thuế	4.041.487.643

3. Tổng quỹ lương chi trong năm 2020 là 76,529 tỷ đồng.

Trong đó:

- Quỹ lương HĐ QLý bảo trì KC CS HT ĐS đã chi trong năm 2020 là 61,193 tỷ đồng.

- Quỹ lương trong chi phí chung là 6,798 tỷ đồng.

- Quỹ lương các CT SXP là 7,247 tỷ đồng.

- Lương bốc xếp, thu hồi vật tư 678,4 triệu đồng.

- Quỹ lương Công đoàn là 100 triệu đồng.

- Lương phục vụ máy thi công đường sắt là 511,2 triệu đồng.

4. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2020 là 11,101 triệu đồng.

5. Tình hình trích lập Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ năm 2020:



- Quỹ khen thưởng trong năm 2020 đã chi khen thưởng các mặt công tác là 259 triệu đồng.

- Quỹ phúc lợi trong năm 2020 đã chi cho các hoạt động xã hội là 359 triệu đồng.

- Trong năm đã nộp BHXH, BHYT, BHTN là 13,277 tỷ đồng.

- Trong năm đã trích kinh phí công đoàn 829,579 triệu đồng.

6. Các khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước năm 2020:
Công ty đã nộp vào ngân sách nhà nước năm 2020 là 9,722 tỷ đồng.

7. Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt: 4,041 tỷ đồng.

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

+ Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020: 11%. Số tiền chi trả cổ tức năm 2020 là: 2,035 tỷ đồng.

+ Trích quỹ khen thưởng người quản lý công ty: 172 triệu đồng.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.235,8 triệu đồng.

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 598,2 triệu đồng.

8. Tình hình quản lý tài chính

- Trong năm 2020, Báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo kê khai, quyết toán thuế hàng quý cho các cơ quan Nhà nước và Tổng CT ĐSVN luôn chính xác, trung thực, đúng biểu mẫu và đúng thời gian quy định.

8.1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

- Công ty đã thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, tăng cường công tác quản lý tốt dòng tiền, quản lý tài sản ngắn hạn để tăng vòng quay và hiệu quả sử dụng đồng vốn

- Thường xuyên mở sổ sách theo dõi chi tiết biến động tăng, giảm TSCĐ, nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại của TSCĐ theo từng chủng loại, phân khai các nguồn vốn.

- Tổ chức cấp phát nhanh chóng, đúng nguyên tắc quản lý, không để tồn đọng, chiếm dụng vốn của Công ty.

8.2. Quản lý doanh thu và chi phí:

- Toàn bộ doanh thu của Công ty đều thể hiện trên hóa đơn, chứng từ hợp lệ và được phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán theo chế độ Nhà nước quy định.

- Các chi phí về tiền lương, các chi phí trích nộp khác như BHXH, BHYT, KPCĐ, các chế độ cho người lao động luôn đúng thời gian và đầy đủ.

- Quản lý chặt chẽ các chi phí nguyên nhiên vật liệu và chi phí khác.

8.3. Quản lý và thanh toán các khoản công nợ:

- Luôn trả nợ kịp thời, không để quá hạn các khoản phải trả cho người bán.

- Tích cực thu hồi nợ các cá nhân, tập thể, đơn vị, các công trình trong và ngoài ngành.

8.4. Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành:

- Trong năm qua, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp ngân sách Nhà nước như thuế TNDN, thuế GTGT, thuế TNCN, thuế môn bài ...

- Qua quá trình làm việc với các Đoàn Thanh tra, Kiểm toán... Công ty CP đường sắt Bình Trị Thiên luôn được đánh giá cao về công tác chấp hành các chủ trương, chính sách cũng như các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

588-C
TY
HÀN
SẮT
THIÊN
TRƯỜNG

- Công ty đã thực hiện tốt chế độ sổ kế toán, chứng từ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

Kính thưa Đại hội !

Trên đây là báo cáo một số chỉ tiêu tài chính nhiệm kỳ 2016-2020 và báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020, công tác quản lý Tài chính năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

-ĐHĐCĐ

-Lưu: TCKT.



Số: 01-21/TTr-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên;

Căn cứ ý kiến đóng góp của các quý vị cổ đông về các nội dung của Dự thảo Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.


Nhằm đảm bảo công tác quản trị điều hành Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (có dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đính kèm và được trình bày tại Đại hội).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Võ Dũng

Số: 02-21/TTr-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 4 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS do kết thúc nhiệm kỳ
2016 – 2020 và bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2016 -
2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị
Thiên.*

Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty.

Kính thưa Quý cổ đông!

Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2016 - 2020 được Đại hội đồng cổ đông lần đầu bầu ngày 26/12/2015 với nhiệm kỳ 5 năm. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đến nay đã kết thúc nhiệm kỳ.

Nhằm đảm bảo công tác quản trị điều hành Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp; Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2016 -2020 thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020 và Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

I. Miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS do kết thúc nhiệm kỳ 2016 - 2020.

1) Thành viên Hội đồng quản trị:

- 1.1. Ông: Võ Dũng
- 1.2. Ông: Lê Hồng Hải
- 1.3. Ông: Đặng Văn Thanh

2) Thành viên Ban Kiểm Soát:

- 2.1. Ông: Nguyễn Hữu Tuyển
- 2.2. Ông: Nguyễn Ích Lân
- 2.3. Ông: Trần Anh Tuấn

II. Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026

1) Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Thời gian nhiệm kỳ HĐQT: 5 năm (2021 - 2026)



- Số lượng thành viên HĐQT: 03 thành viên

2) Bầu cử thành viên Ban Kiểm Soát:

- Thời gian nhiệm kỳ BKS: 05 năm (2021 - 2026)
- Số lượng thành viên BKS: 03 thành viên

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tài liệu đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Dũng



Số: 03 -21/TTr-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v thông qua các nội dung
thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
và nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua các báo cáo của Công ty

- Thông qua Báo cáo của Giám đốc công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021 - 2026;

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 phương hướng hoạt động năm 2021; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026;

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 phương hướng hoạt động năm 2021; kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026;

- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2020;

2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Tỷ lệ % TH 2020/ KH 2020
			Kế hoạch ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	212.894,19	226.609,09	106,44%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	193.862,00	206.039,71	106,28%
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	151.624,05	155.714,96	102,70%

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Tỷ lệ % TH 2020/ KH 2020
			Kế hoạch ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	
	- Sản phẩm khác	Tr.đ	42.238,00	49.856,64	118,33%
	- Doanh thu tài chính + thu nhập khác	Tr.đ		468,10	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.036,00	5.220,37	103,66%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.029,00	4.041,68	100,31%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11	11	100%
8	Thu nhập BQ người lao động	Tr.đ	11,02	11,10	100,69%

2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ % KH 2021/ TH 2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	226.609,09	256.047,22	112,99%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	206.039,71	232.828,83	113,00%
	Sản phẩm quản lý, bảo trì KCHT đường sắt	Tr.đ	155.714,96	137.222,74	88,10%
	Sản phẩm khác	Tr.đ	49.978,88	95.256,09	190,6%
	Hoạt động tài chính + Thu nhập khác	Tr.đ	468,10		
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.220,37	5.482,98	105,0%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.041,68	4.386,38	108,5%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100,0%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11	11,0	100,0%
8	Thu nhập BQ người lao động	Tr.đ	11,1	11,1	100,0%

3. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của người quản lý Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đối tượng	Số người	Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020		Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021	Tỷ lệ % KH 2021/ TH 2020
			Kế hoạch	Thực hiện		

TT	Đối tượng	Số người	Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020		Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021	Tỷ lệ % KH 2021/ TH 2020
			Kế hoạch	Thực hiện		
I	Tiền lương		2.066,4	1.883,7	1.776,6	94,31%
1	Chủ tịch HĐQT	01	340,2	340,2	340,2	100,0%
2	Giám đốc	01	315,0	301,4	315,0	104,5%
3	Phó giám đốc (năm 2021 = 2 người)	03	869,4	700,4	579,6	82,75%
4	Trưởng Ban kiểm soát	01	277,2	277,2	277,2	100,0%
5	Kế toán trưởng	01	264,6	264,6	264,6	100,0%
II	Thù lao		40,8	40,8	40,8	100,0%
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	24	24	24	100,0%
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02	16,8	16,8	16,8	100,0%
	Tổng cộng (I+II)		2.107,2	1.924,5	1.817,4	94,43%

4. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2020, chi trả cổ tức 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2021.

4.1. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021:

T	Chỉ tiêu	ĐV	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1.	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	4.041.687.643	4.386.387.827
a.	Trả cổ tức (năm 2020: 11% ; Năm 2021 : 11%)	đồng	2.035.000.000	2.035.000.000
b.	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	598.200.000	705.150.000
c.	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	1.236.487.643	1.474.237.827
d.	Trích quỹ thưởng Người quản lý	đồng	172.000.000	172.000.000
2.	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0	0

4.2. Chi trả cổ tức năm 2020

- Tỷ lệ trả cổ tức: 11% (1.100 đồng/cổ phiếu)
- Hình thức trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1026956
**CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CÔNG SÃ
 TƯ THIÊN**
 CHỮA KÝ

5. Thông qua Danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc (Địa chỉ: P.709, D11, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

- Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán & kiểm toán AVINA-IAFC (Địa chỉ: Phòng 303, C7, Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tài liệu đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Dũng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04-21/TTr-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Ủy quyền ký kết các Hợp đồng giữa Công ty với Công ty mẹ là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty) trong nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên;

Nhằm đảm bảo công tác quản trị điều hành Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành và thuận lợi cho Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua các nội dung sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua việc ký kết các Hợp đồng giữa Công ty với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là Công ty mẹ, cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Dũng
Võ Dũng

Số: 05-21/TTr-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Hủy tư cách công ty đại chúng
Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua Hủy tư cách công ty đại chúng Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên với lý do như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 18,5 tỷ đồng < 30 tỷ đồng theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán; Về chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, không thông qua đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật chứng khoán.

- Theo quy định khoản 2 Điều 38 Luật Chứng khoán quy định: Sau 01 năm kể từ ngày không còn đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán mà Công ty vẫn không đáp ứng được điều kiện là công ty đại chúng (vốn điều lệ Công ty không đủ từ 30 tỷ trở lên) thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét hủy tư cách Công ty đại chúng.

Nhận thấy, ít nhất trong khoản thời gian 01 năm tới, tính từ ngày Luật Chứng khoán năm 2019 có hiệu lực, Công ty chưa có khả năng tăng vốn điều lệ đạt mức từ 30 tỷ đồng trở lên để Công ty đảm bảo điều kiện là Công ty đại chúng. Mặt khác từ khi giao dịch trên sàn Upcom, thanh khoản của cổ phiếu Công ty rất nhỏ trong 5 năm chỉ giao dịch 17.770 cổ phiếu, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chỉ còn 3.000 đồng/cổ phiếu không thu hút được nhà đầu tư.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tài liệu Đại hội.



Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Tại phiên họp thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CPĐS Bình Trị Thiên;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên ngày 15 tháng 4 năm 2021, đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2021-2026, như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Giám đốc công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021 - 2026, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%.

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%.

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021; kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2026, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%.

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%.

5. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

5.1. kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Tỷ lệ % TH 2020/ KH 2020
			Kế hoạch ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	212.894,19	226.609,09	106,44%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	193.862,00	206.039,71	106,28%
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	151.624,05	155.714,96	102,70%
	- Sản phẩm khác	Tr.đ	42.238,00	49.978,88	118,33%
	- Doanh thu tài chính + thu nhập khác	Tr.đ		468,10	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.036,00	5.220,37	103,66%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.029,00	4.041,68	100,31%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11	11	100%
8	Thu nhập BQ người lao động	Tr.đ	11,02	11,10	100,69%

5.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ % KH 2021/ TH 2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	226.609,09	256.047,22	112,99%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	206.039,71	232.828,83	113,00%
	Sản phẩm quản lý, bảo trì KCHT đường sắt	Tr.đ	155.714,96	137.222,74	88,10%
	Sản phẩm khác	Tr.đ	49.856,64	95.256,09	190,6%
	Hoạt động tài chính + Thu nhập khác	Tr.đ	468,10		
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.220,37	5.482,98	105,0%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.041,48	4.386,38	108,5%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100,0%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11,0	11,0	100,0%
8	Thu nhập BQ người lao động	Tr.đ	11,1	11,1	100,0%

6. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (Người quản lý Công ty), với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đối tượng	Số người	Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020		Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021	Tỷ lệ % KH 2021/ TH 2020
			Kế hoạch	Thực hiện		
I	Tiền lương		2.066,4	1.883,7	1.776,6	94,31%
1	Chủ tịch HĐQT	01	340,2	340,2	340,2	100,0%
2	Giám đốc	01	315,0	301,4	315,0	104,5%
3	Phó giám đốc (năm 2021 = 2 người)	03	869,4	700,4	579,6	82,75%
4	Trưởng Ban kiểm soát	01	277,2	277,2	277,2	100,0%
5	Kế toán trưởng	01	264,6	264,6	264,6	100,0%
II	Thù lao		40,8	40,8	40,8	100,0%
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	24	24	24	100,0%
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02	16,8	16,8	16,8	100,0%
	Tổng cộng (I+II)		2.107,2	1.924,5	1.817,4	94,43%

7. Thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

7.1. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

T	Chỉ tiêu	ĐV	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1.	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	4.041.687.643	4.385.110.000
a.	Trả cổ tức (năm 2020: 11% ; Năm 2021 : 11%)	đồng	2.035.000.000	2.035.000.000
b.	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	598.200.000	705.000.000
c.	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	1.236.487.643	1.473.110.000
d.	Trích quỹ thưởng Người quản lý	đồng	172.000.000	172.000.000
2.	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0	0

7.2. Chi trả cổ tức năm 2020.

- Tỷ lệ trả cổ tức: 11% (1.100 đồng/cổ phiếu).
- Hình thức trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Thông qua miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát do kết thúc nhiệm kỳ 2016-2020.

8.1. Hội đồng quản trị.

8.1.1. Ông: Võ Dũng

8.1.2. Ông: Lê Hồng Hải

8.2.3. Ông: Đặng Văn Thanh

8.2. Ban kiểm soát.

8.2.1. Ông: Nguyễn Hữu Tuyển

8.2.2. Ông: Nguyễn Ích Lân

8.2.3. Ông: Trần Anh Tuấn

9. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

9.1. Hội đồng quản trị.

9.1.1. Ông: Võ Dũng

9.1.2. Ông: Lê Hồng Hải

9.1.3. Ông: Đặng Văn Thanh

Tại phiên họp thứ nhất của Hội đồng quản trị đã Bầu
giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

9.2. Ban kiểm soát.

9.2.1. Ông: Nguyễn Hữu Tuyển

9.2.2. Ông: Nguyễn Ích Lân

9.2.3. Ông: Nguyễn Vĩnh Hoàng

Tại phiên họp thứ nhất của Ban Kiểm soát đã Bầu
giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

10. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%, danh sách đơn vị kiểm toán gồm:

10.1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc (Địa chỉ: P.709, D11, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

10.2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

10.3. Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán & kiểm toán AVINA-IAFC (Địa chỉ: Phòng 303,C7, KĐT Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty.

11. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%.

12. Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua việc ký kết các Hợp đồng giữa Công ty với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là Công ty mẹ, cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%.

13. Thông qua Hủy tư cách công ty đại chúng Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là 100%.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông giao cho:

1. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện Nghị quyết đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đảm bảo theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 và có hiệu lực ngay sau khi kết thúc phiên họp.

Điều 4. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này ./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: Tài liệu đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP- CHỦ TỊCH HĐQT**



Võ Dũng

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026

1. Các quy định chung

- Việc biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhiệm kỳ 2021-2026 phải tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Thẻ lệ biểu quyết này;
- Nguyên tắc biểu quyết: công khai, trực tiếp.

2. Phiếu biểu quyết

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông theo ủy quyền đến dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được phát một "Phiếu biểu quyết" có ghi mã số của cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền và tổng số cổ phần Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng.

Biểu quyết bằng cách giơ "Phiếu biểu quyết" khi Đoàn Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các nội dung của phiên họp.

3. Trình tự biểu quyết:

- Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện.

- Khi được phát Phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền phải kiểm tra lại tổng số cổ phần trên phiếu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên phiếu được phát không đúng với tổng số cổ phần của Cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền đó sở hữu/đại diện thì Cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền phải thông báo ngay cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm nhận thẻ.

- Tùy theo thực tế, Chủ tọa Đại hội sẽ lựa chọn cách thức đếm phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến để thực hiện việc kiểm phiếu biểu quyết được thuận lợi. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa thông báo công khai ngay tại phiên họp.

- Kết quả biểu quyết "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến" là tổng số cổ phần sở hữu được cộng từ các thẻ biểu quyết tương ứng.

4. Các quy định khác

- Trường hợp cổ đông rời phiên họp trước khi kết thúc phiên họp mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

- Mọi cổ đông đều có quyền chất vấn trước phiên họp về các vấn đề có liên quan đến nội dung biểu quyết. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết chỉ được xem



xét ngay tại phiên họp. Chủ tọa sẽ giải quyết những khiếu nại về kết quả biểu quyết và được ghi vào Biên bản phiên họp.

- Thẻ lệ biểu quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ được áp dụng tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: Tài liệu Đại hội.



Võ Dũng



**QUY CHẾ
MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2016-2020
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên tiến hành miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên nhiệm kỳ 2016-2020 theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện miễn nhiệm:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/3/2021) có mặt tại thời điểm biểu quyết đã hoàn thành thủ tục đăng ký và ký tên trong danh sách cổ đông dự họp đều có quyền tham gia miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ:

1. Số lượng miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: 03 người.
2. Số lượng miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: 03 người.

Điều 3. Phương thức miễn nhiệm:

1. Việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín;

2. Mỗi cổ đông tham dự được phát 01 phiếu miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, 01 phiếu miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; 02 phiếu đó có ghi sẵn tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu nắm giữ (Bao gồm sở hữu và được ủy quyền), có 2 ô đồng ý hoặc không đồng ý. Phiếu miễn nhiệm được ghi sẵn tên người miễn nhiệm.

3. Khi tiến hành miễn nhiệm, cổ đông/đại diện cổ đông đánh dấu (X) vào ô đồng ý hoặc không đồng ý để miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020;

4. Các trường hợp Phiếu miễn nhiệm không hợp lệ:

- Là phiếu miễn nhiệm không do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không đóng dấu của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa hoặc cùng lúc đánh dấu (X) vào ô đồng ý và không đồng ý;

- Là phiếu không có chữ ký của người thực hiện quyền miễn nhiệm;

- Phiếu để trống không đánh dấu (X) vào ô nào.

Điều 4. Ban Bầu cử - kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu, trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu:

1. Ban Bầu cử - kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra giám sát quá trình phát phiếu, bỏ phiếu, kiểm phiếu.

2. Ban Bầu cử - kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn Quy chế miễn nhiệm, phát phiếu, kiểm tra giám sát việc bỏ phiếu, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội, sau đó nộp biên bản cho chủ tọa Đại hội.

- Hỗ trợ cho Ban Bầu cử - kiểm phiếu có một tổ kỹ thuật của Công ty do Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị.

3. Trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông dự Đại hội.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có lệnh của chủ tọa cuộc họp và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu thùng phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả miễn nhiệm và lập thành biên bản kiểm phiếu miễn nhiệm. Biên bản kiểm phiếu miễn nhiệm sẽ được các thành viên Ban kiểm phiếu ký để xác nhận tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Điều 5: Nguyên tắc người được miễn nhiệm:

Người được miễn nhiệm khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi phân trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 6. Những khiếu nại về việc miễn nhiệm và kiểm phiếu:

- Trưởng Ban bầu cử - kiểm phiếu sẽ thay mặt Ban kiểm phiếu giải thích những thắc mắc của cổ đông (nếu có) về Quy chế miễn nhiệm ngay tại Đại hội.

- Chủ tọa Đại hội sẽ giải quyết những khiếu nại về việc miễn nhiệm và kết quả miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngay tại Đại hội.
- Tất cả các nội dung khiếu nại và được giải quyết được ghi vào biên bản họp.

Điều 7. Điều khoản thi hành:

Quy chế này gồm có 7 Điều và có hiệu lực kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua và là cơ sở pháp lý cho việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: Tài liệu đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Võ Dũng



**QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN NHIỆM KỲ 2021-2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;

Ban Bầu cử - Kiểm phiếu công bố Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên như sau:

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Việc ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 03 người.
2. Nhiệm kỳ : 2021-2026
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau :
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người.

2. Nhiệm kỳ : 2021-2026

3. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn sau :

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Số lượng đề cử theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

1. Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;

2. Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

3. Từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Điều 6. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Số lượng đề cử theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

1. Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;

2. Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;



3. Từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Điều 7. Hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát:

1. Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, và thành viên Ban Kiểm soát (theo mẫu);

b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát tự khai có dán ảnh (theo mẫu);

c. Bản sao hợp lệ CCCD/CMTND/Hộ chiếu;

d. Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn;

e. Giấy ủy quyền hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty trước 16h00' ngày 12/4/2021 theo địa chỉ sau:

Phòng Tổ chức hành chính – Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên

Địa chỉ: 18 Bảo Quốc, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 0234.3836215;

Fax: 0234.3833063

Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn đề cử/văn bản đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban Tổ chức ĐHCĐ sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 9. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được bầu. Cụ thể theo công thức sau:

2.1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền biểu quyết}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết}} \times \boxed{\text{Số thành viên HĐQT được bầu}}$$

2.2. Bầu thành viên Ban Kiểm soát:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền biểu quyết}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết}} \times \boxed{\text{Số Kiểm soát viên được bầu}}$$

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.

4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (Bảng số cổ phần x số thành viên được bầu).

Điều 10. Tổ chức và giám sát bầu cử

1. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Bầu cử - Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban Bầu cử - Kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; Ban Bầu cử - Kiểm phiếu có quyền lập một bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

2. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Kiểm tra danh sách các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử theo quy chế bầu cử đã được thông qua cho cổ đông;

c. Phân phát và thu phiếu bầu cử;

d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;

e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;

f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;

g. Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo đề Đại hội đồng cổ đông quyết định;

h. Và các nhiệm vụ liên quan khác;

i. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 11. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

1. Phiếu bầu:

a. Phiếu bầu do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty CPĐS Bình Trị Thiên, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số quyền biểu quyết;

b. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, 01 phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);

09
37
HÀ
3 S
! TH
ƯA

c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Bầu cử - Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

2. Cách ghi phiếu bầu:

a. Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu (X) vào cột “số phiếu bầu (khi đánh dấu (X) cho ứng viên nào thì được xem là tổng số phiếu bầu bầu cho ứng viên đó) hoặc viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

b. Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông /đại diện ủy quyền của cổ đông điền số “0” hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu”.

c. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

c. Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Phiếu không do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty CPĐS Bình Trị Thiên;

b. Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

c. Phiếu có ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho các ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

e. Phiếu không đánh dấu (X) hoặc không ghi số lượng phiếu bầu cho ứng viên.

Điều 12. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi được Trưởng Ban Bầu cử - Kiểm phiếu tuyên bố và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

2. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

3. Việc kiểm phiếu được Ban Bầu cử - Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Ban Bầu cử - Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 13. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định là người có số phiếu bầu cao nhất.



2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn.

3. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.

4. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc đề khuyết thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử - Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu; Thành phần Ban Bầu cử - Kiểm phiếu; Nội dung bỏ phiếu; Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử; Kết quả bầu cử; Chữ ký của Thành viên Ban Bầu cử - Kiểm phiếu.

2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 15. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa Đại hội, Ban Bầu cử - Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 16. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: Tài liệu đại hội.



Võ Dũng

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;

Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026, như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 (sau đây gọi là "phiên họp") của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

2. Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông, và các bên tham gia phiên họp, điều kiện, thể thức tiến hành phiên họp và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức phiên họp được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chương II

**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Điều kiện tham dự phiên họp

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp lệ được quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 4. Quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Ban tổ chức sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình phiên họp. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phải mang theo Thông báo mời họp, Giấy tờ hợp pháp của cá nhân (CCCD, CMND hoặc hộ chiếu..) và Giấy uỷ quyền (đối với trường hợp được uỷ quyền) cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Phiếu biểu quyết (ghi mã đại biểu tham dự và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết của Phiếu mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ

tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự phiên họp trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại phiên họp;

5. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự phiên họp sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng phiếu biểu quyết;

6. Các cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của phiên họp tại phần thảo luận bằng cách giơ tay phát biểu hoặc ghi câu hỏi ra giấy;

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại phiên họp, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng phiên họp để cổ đông đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự phiên họp

1. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền đến dự phiên họp mang theo các giấy tờ sau:

a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026;

b. Giấy tờ hợp pháp của cá nhân (chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực);

c. Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm thư mời họp (trường hợp được ủy quyền tham dự phiên họp: Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi Cổ đông đó; Trường hợp Cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

d. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại phiên họp sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Người được ủy quyền tham dự phiên họp không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

3. Trong thời gian diễn ra phiên họp, Cổ đông/ đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của phiên họp, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự phiên họp phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

5. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại phiên họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa phiên họp

1. Chủ tọa phiên họp có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Chủ trì, điều khiển phiên họp; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển phiên họp một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo phiên họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Quyết định của Chủ tọa phiên họp về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của phiên họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

c. Hướng dẫn cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của phiên họp;

d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để cổ đông biểu quyết;

e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu;

f. Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn phiên họp đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty) mà không cần lấy ý kiến của cổ đông nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của phiên họp được tiến hành một cách hợp lệ;

2. Chủ tọa phiên họp có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Thực hiện các biện pháp nhằm duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi phiên họp.

Điều 7. Ban thư ký phiên họp

1. Ban thư ký phiên họp gồm 02 thành viên do chủ tọa cử để giúp việc ghi chép diễn biến của phiên họp. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:

a. Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ các nội dung biên bản đối với diễn biến của phiên họp, dự thảo các văn kiện, kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi có yêu cầu; trình bày trước phiên họp về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của phiên họp;

b. Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự phiên họp do Hội đồng quản trị công ty thành lập, gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, có chức năng và nhiệm vụ sau:

a. Kiểm tra tư cách dự họp của cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: Kiểm tra Giấy tờ hợp pháp của cá nhân (Chứng minh nhân dân; Căn cước công dân, Hộ chiếu), Thư mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có);

b. Phát cho cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông Thẻ biểu quyết và các tài liệu của phiên họp;

c. Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự phiên họp thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của phiên họp.

Điều 9. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu

1. Ban bầu cử - kiểm phiếu có 06 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban bầu cử - kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách ứng cử, đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban bầu cử - kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng thẻ biểu quyết; thực hiện việc kiểm đếm số biểu quyết theo từng loại: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;
- b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;
- c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội;
- d. Kiểm tra danh sách các ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát trước khi thực hiện bầu cử;
- e. Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Tiến hành phát, thu, kiểm đếm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát theo đúng số cổ phần và quyền biểu quyết của từng cổ đông;
- g. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- h. Báo cáo kết quả kiểm phiếu (Biên bản kiểm phiếu) trước Đại hội;
- i. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho thư ký Đại hội;
- k. Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo đề Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- l. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH PHIÊN HỌP

Điều 10. Điều kiện tiến hành phiên họp

1. Cuộc họp phiên họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập phiên họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để phiên họp có thể tiến hành theo quy định.

2. Phiên họp được thực hiện theo Chương trình phiên họp được Ban tổ chức chuẩn bị và thông qua tại phiên họp.

3. Phiên họp sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình phiên họp đại hội đồng cổ đông năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc

1. Chương trình, nội dung của phiên họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trường hợp có sự thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại phiên họp

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của phiên họp. Chủ tọa phiên họp có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự phiên họp phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa phiên họp hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa. Trong cùng

một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuân tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình phiên họp đã được thông qua. Nội dung đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của Doanh nghiệp.

3. Phiên họp thông nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 05 phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa phiên họp có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban thư ký phiên họp phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông) được Ban tổ chức phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

- Thẻ biểu quyết: Cổ đông dùng để biểu quyết thông qua nội dung, chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, bầu chủ tọa, bầu Ban bầu cử - kiểm phiếu, biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội và các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa phiên họp.

- Phiếu biểu quyết miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Quy chế miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

- Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 14. Thông qua các quyết định tại phiên họp

Các quyết định, kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 được thông qua đảm bảo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 15. Biên bản phiên họp, dự thảo Nghị quyết phiên họp

1. Biên bản phiên họp: Tất cả các nội dung tại phiên họp phải được Ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc phiên họp.

2. Căn cứ biên bản phiên họp, Thư ký phiên họp sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết phiên họp. Dự thảo Nghị quyết phiên họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc phiên họp.

3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Thông báo mời họp được lưu giữ tại Công ty theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 16. Trật tự phiên họp

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức phiên họp hướng dẫn, tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức phiên họp.



- Cổ đông có nhu cầu sao chép tài liệu, ghi âm phải đăng ký với Chủ tọa và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp có những thông tin sai lệch với nội dung phiên họp.
- Giữ trật tự phiên họp, không sử dụng điện thoại di động trong quá trình họp. Tất cả các máy điện thoại khi mang vào cuộc họp phải tắt máy hoặc để ở chế độ rung.
- Chấp hành quy chế tổ chức phiên họp và sự điều khiển của Chủ tọa.

Điều 17. Trường hợp tiến hành phiên họp không thành

1. Trường hợp phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Phiên họp lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và các đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp phiên họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, phiên họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện theo ủy quyền tham dự và được coi hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có quyền phê chuẩn.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hiệu lực thi hành, tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm 05 chương, 18 Điều có hiệu lực thi hành khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua.
2. Chủ tọa phiên họp có trách nhiệm điều hành phiên họp theo Quy chế này.
3. Cổ đông và những người tham dự phiên họp có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Lưu: Tài liệu Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Võ Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT
 BÌNH TRỊ THIÊN

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành;

Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan,

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 15 tháng 4 năm 2021

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- b) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- c) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ";
- d) "*Công ty*" là Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;
- đ) "*Điều lệ*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- e) "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- g) "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h) "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- i) "*Người điều hành Công ty*" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- k) "*Người quản lý Công ty*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;



l) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

m) "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

n) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 3 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) "Cổ phần": vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần;

p) "Cổ phần phổ thông" là một đơn vị vốn điều lệ của Công ty có mệnh giá là mười ngàn đồng (10.000 VND) và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của Điều lệ này;

q) "Cổ phần ưu đãi" là các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

r) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

s) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

t) "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính

1. Tên gọi đầy đủ: Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;
2. Tên tiếng Anh: Binh Tri Thien Railway Joint Stock Company
3. Tên gọi tắt: BTTR.,JSC
4. Trụ sở chính: 18 đường Bảo Quốc, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
5. Điện thoại: 0234.3884100 Fax: 0234.3833063
6. E-mail: ctqldsbinhtrithien@gmail.com
7. Website: dsbinhtrithien.vn
8. Biểu tượng (Logo):

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Hình thức doanh nghiệp:

- Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ sang Công ty cổ phần do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối;

- Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên có:

a) Tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên có một (01) người đại diện theo pháp luật.

Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Khoản 3 Điều này.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Sản xuất đá các loại	0810
2	Sản xuất khác: Sản xuất các thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, đường bộ, trang thiết bị, dụng cụ lao động	3290
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về giao thông đường sắt, đường bộ	4210
4	Xây dựng các công trình dân dụng khác: Xây dựng dân dụng, công nghiệp	4290
5	San lấp mặt bằng	4312
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán các thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông	4663
7	Mua bán đá các loại	4752
8	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
9	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt: Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt, tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn tai nạn giao thông đường sắt	5221 (chính)
11	Dịch vụ du lịch, lưu trú ngắn ngày (khách sạn)	5510
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
13	Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, thẩm định giá, giám sát các công trình giao thông, dân dụng	7110

Các lĩnh vực kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;

- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với Chiến lược phát triển chung của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty

2. Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **18.500.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **1.850.000** cổ phần (Bằng chữ: Một triệu, tám trăm năm mươi nghìn cổ phần) với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn đồng (10.000 VNĐ/01 CP).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.

4. Công ty có thể chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ. Việc chào bán cổ phần được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại công ty

Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị của Công ty có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện

hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty

7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Trong quá trình hoạt động, phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty có thể thay đổi. Việc thay đổi do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam lập phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

đ) Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại khoản 10 Điều 10 Điều lệ này.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần trong Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

8. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Mua lại cổ phần, trái phiếu, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

2. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này hoặc việc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp và Điều 13 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty;

MỤC I CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối

với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Số lượng đề cử theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

- Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác trong Công ty đề cử.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông còn lại tán thành hoặc số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết còn lại tán thành đối với trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - h) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - i) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - k) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - n) Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;

- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - s) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.

Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy

quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp

được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 23, 24, 25, 26 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

528
NG
PH
NG
TR
TH

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị đề xuất quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ để tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. Các biện pháp này được phải được Hội đồng quản trị Công ty ban hành và gửi theo Thông báo mời họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.

Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty;
- e) Các vấn đề khác do Điều lệ này quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai

(02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này có quyền yêu

cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC II HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nhiệm kỳ và số lượng của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - d) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
 - đ) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.
 - e) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại 02 người. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị



1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

k) Quy hoạch, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến người quản lý Công ty; thay mặt Công ty khiếu nại, tố cáo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi xét thấy cá nhân đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành các quy chế nội bộ khác của công ty trừ trường hợp Điều lệ này quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

4. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c trên đây phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các kế hoạch trong tương lai.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 34. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

308
TY
AN
SÁT
HIỆN
THIỆ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 36. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có đủ toàn bộ (3/3) số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hai (02) thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 9 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

MỤC III GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 38. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
- c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty

4. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; Ký kết các Hợp đồng nhân danh Công ty. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty, Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng sau khi có quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, Đại hội đồng cổ đông công ty.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị Công ty; Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 39. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Công ty có các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

2. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và uỷ quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, và các quy định của pháp luật.

4. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty

Điều 40. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất được quy định tại quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế, quy định nội bộ Công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị Công ty thay đổi cơ cấu, định biên, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sản xuất phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 41. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tiền lương của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

MỤC IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 44. Ban Kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

đ) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

e) Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

g) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

7. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

13. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

14. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.



đ) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

15. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG IV

CON DẤU CÔNG TY, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Con dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ Công ty; các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;

b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy phép và giấy chứng nhận khác;

c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

d) Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;

đ) Bản cáo bạch đề chào bán hoặc niêm yết chứng khoán (nếu có);

e) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

h) Các tài liệu khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đối với các báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

3. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính Công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 50. Công khai thông tin Công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ Công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Việc công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ này.

Điều 51. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG V

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 52. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Trong Công ty, Giám đốc Công ty là Người sử dụng lao động.

Quan hệ lao động giữa người lao động hoặc tập thể lao động với người sử dụng lao động được xác lập qua đối thoại, thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Công ty cam kết bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao

trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động trong Công ty có các quyền sau đây:

a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hàng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế, quy định của Công ty;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lý theo nội quy của người sử dụng lao động;

d) Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc;

đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

e) Đình công;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động trong Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và các thoả thuận hợp pháp khác;

b) Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát hợp pháp của người sử dụng lao động;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

4. Người sử dụng lao động của Công ty có các quyền sau đây:

a) Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động;

b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu tổ chức đại diện người lao động, thương lượng với mục đích ký kết thoả ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; đối thoại, trao đổi với tổ chức đại diện người lao động về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;

d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Người sử dụng lao động của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận khác với người lao động và các thoả thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;

b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại, trao đổi với người lao động và tổ chức đại diện người lao động tại Công ty và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

c) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động;

d) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

đ) Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.

Điều 53. Tổ chức đại diện người lao động trong Công ty

1. Người lao động trong Công ty có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn hoặc có quyền thành lập, gia nhập và tham gia hoạt động của tổ chức của người lao động tại Công ty theo quy của Bộ luật Lao động.

2. Các tổ chức đại diện người lao động quy định tại khoản 1 Điều này bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động.

3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty trong quan hệ lao động:

a) Thương lượng tập thể với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

b) Đối thoại tại nơi làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động.

c) Được tham khảo ý kiến xây dựng và giám sát việc thực hiện thang lương, bảng lương, mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động là thành viên của mình.

d) Đại diện cho người lao động trong quá trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động cá nhân khi được người lao động ủy quyền.

đ) Tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của Bộ luật Lao động.

e) Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của cơ quan, tổ chức đăng ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam nhằm tìm hiểu pháp luật về lao động; về trình tự, thủ tục thành lập tổ chức đại diện người lao động và việc tiến hành các hoạt động đại diện trong quan hệ lao động sau khi được cấp đăng ký.

g) Được người sử dụng lao động bố trí nơi làm việc và được cung cấp thông tin, bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty.

h) Tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có thể bầu Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện của mình. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự thủ tục bầu thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có quyền sau đây:

- Tiếp cận người lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty. Việc thực hiện quyền này phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người sử dụng lao động;

- Tiếp cận người sử dụng lao động để thực hiện các nhiệm vụ đại diện của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty;

- Được sử dụng thời gian làm việc theo quy định tại Bộ luật Lao động và văn bản pháp luật liên quan để thực hiện công việc của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty mà vẫn được người sử dụng lao động trả lương;

- Được hưởng các bảo đảm khác trong quan hệ lao động và trong việc thực hiện chức năng đại diện theo quy định của pháp luật.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tổ chức đại diện người lao động trong Công ty:

a) Không được cản trở, gây khó khăn khi người lao động tiến hành các hoạt động hợp pháp nhằm thành lập, gia nhập và tham gia các hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty.

b) Công nhận và tôn trọng các quyền của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty đã được thành lập hợp pháp.

c) Phải thỏa thuận bằng văn bản với ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển làm công việc khác, ký luật sa thải đối với người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Trường hợp không thỏa thuận được, hai bên phải báo cáo với cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sau 30 ngày kể từ ngày báo cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định. Trường hợp không nhất trí với quyết định của người sử dụng lao động thì người lao động, ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

d) Phải gia hạn hợp đồng lao động đã giao kết đến hết nhiệm kỳ cho người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đang trong nhiệm kỳ mà hết hạn hợp đồng lao động.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Một phần lợi nhuận sau thuế của Công ty có thể dùng để trích lập vào các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo tài chính 6 tháng và quý theo quy định pháp luật liên quan.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 60. Tổ chức lại Công ty

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Công ty do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.

2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

Điều 61. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh

1. Việc tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 206 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 62. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại các Điều 207, 208, 209, 210 và Điều 211 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 63. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 64. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản

CHƯƠNG IX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các thỏa thuận khác giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc thương lượng, hoà giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Tổ chức thực hiện

1. Các cổ đông của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
2. Các nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 10 Chương 68 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty đường sắt Bình Trị Thiên nhất trí thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở của Công ty 18 đường Bảo Quốc, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) Ba (03) bản nộp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (là cổ đông tổ chức có vốn góp chi phối tại Công ty);
 - b) Bảy (07) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Lê Hồng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN



DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Luật Doanh nghiệp*”: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) “*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*” (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do



Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ”;

- d) “*Công ty*” là Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;
- d) “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- e) “*Quy chế*” là Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- g) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ Công ty;
- h) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- i) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- k) “*Người điều hành Công ty*” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- l) “*Người quản lý Công ty*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;
- m) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
- n) “*Người có quan hệ gia đình*” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;



3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;

2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

3. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

6. Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

7. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ công ty và của pháp luật.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát được quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

002
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHÍNH
TÍNH

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

568-C
 CÔNG TY
 HẠN
 TRÁCH
 MIỆN
 TÀI SẢN

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

**Chương III
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
6. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
11. Sử dụng tư vấn độc lập, để thực hiện nhiệm vụ được giao.
12. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

...N:33
C
C
ĐU
BİN
...E:71

13. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

14. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, Xí nghiệp, các đội quản lý đường sắt và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

15. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

2
NI
P
NI
TR
171

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên bao gồm 7 (bảy) chương, 23 (hai mươi ba) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Thừa Thiên Huế, ngày tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 05-21/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) “*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*” (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ”;

- d) “*Công ty*” là Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;
- đ) “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- e) “*Quy chế*” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- g) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ công ty;
- h) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- i) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- k) “*Người điều hành Công ty*” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- l) “*Người quản lý Công ty*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
- m) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
- n) “*Người có quan hệ gia đình*” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ công ty) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

15
3
H
G
R
T

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 8. Thư ký công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ công ty;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
4. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
5. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.
6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại 02 người. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về

tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ công ty;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông

theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

k) Quy hoạch, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quy hoạch, bổ nhiệm, bỏ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến người quản lý Công ty; thay mặt Công ty khiếu nại, tố cáo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi xét thấy cá nhân đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành các quy chế nội bộ khác của công ty trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các kế hoạch trong tương lai.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nội quy, quy chế của Công ty.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;



d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có đủ 3 thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 9 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

28
VG
PT
VG
RJ
HỦ

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

208
TY
IN
SAT
HIEN
TWA

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ công ty hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ công ty thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Dũng